

BẢNG ĐIỂM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 17
Hình thức đào tạo tập trung; Thời gian học từ ngày 15/4/2023 đến ngày 04/12/2023

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương sản xuất và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Cường	7,00	7,00	7,00	7,00	8,00	7,25	7,00	7,25	7,75	7,00	7,75	7,75	7,50	8,50	6,25	7,21	Khá	
2	Nguyễn Thị Uyên Chi	7,25	7,75	7,50	7,50	7,50	7,00	7,25	7,75	8,00	7,00	8,00	8,25	8,00	9,00	7,58	7,68	Khá	
3	Hoàng Minh Chung	7,50	7,00	7,25	7,00	7,25	7,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	9,00	7,17	7,22	Khá	
4	Đào Thị Hồng Diên	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	7,00	7,50	8,50	7,00	7,75	7,75	8,00	8,25	9,00	8,25	7,94	Khá	
5	Đàm Văn Định	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	6,75	7,00	6,75	7,50	7,50	7,25	9,00	7,08	7,18	Khá	
6	Lưu Nông Đồng	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,75	9,00	7,00	7,19	Khá	
7	Phạm Thị Hà	8,00	8,25	8,50	8,25	8,00	8,25	8,00	8,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	9,00	8,00	8,18	Giỏi	
8	Nông Thuý Hoà	7,50	7,25	8,25	7,00	7,75	7,75	7,00	8,00	7,50	8,00	7,50	7,75	7,75	9,00	7,75	7,72	Khá	
9	Linh Quang Hòa	7,75	7,50	7,75	8,00	8,00	7,50	7,50	7,50	8,00	8,00	8,25	7,50	7,75	9,00	8,50	7,97	Khá	
10	Nông Thị Hồng	7,50	7,50	7,75	8,25	8,00	8,25	8,00	7,50	8,00	8,00	8,25	7,00	7,75	9,00	8,50	8,01	Giỏi	



28

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
11	Lương Thu Huệ	7,50	7,50	8,00	7,50	7,75	7,00	7,75	7,25	8,00	7,50	7,50	7,50	7,75	9,00	7,58	7,66	Khá	
12	Triệu Thị Huệ	7,00	7,00	7,75	8,00	7,50	7,50	8,25	8,00	8,25	7,75	8,25	8,25	8,25	8,50	8,00	7,90	Khá	
13	Nông Bích Huệ	7,00	7,00	7,75	7,25	7,50	7,50	7,50	7,50	7,00	7,00	7,25	6,50	7,00	9,00	7,42	7,35	Khá	
14	Hồ Quang Huy	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	7,00	7,50	7,50	7,25	7,75	7,75	7,50	7,50	9,00	7,08	7,63	Khá	
15	Hoàng Nguyên Huy	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,25	7,00	8,50	6,75	7,07	Khá	
16	Giáp Thị Hương	7,75	7,75	7,50	8,00	8,00	8,25	8,00	8,25	7,75	7,50	8,25	7,25	8,00	9,00	8,50	8,04	Giỏi	
17	Nông Thị Minh Lan	7,00	7,50	7,25	7,75	7,50	7,25	7,00	7,75	7,00	7,50	7,75	8,00	7,75	9,00	7,58	7,57	Khá	
18	Ma Thúy Lan	7,50	7,75	8,25	8,00	7,00	8,00	7,50	7,50	8,00	8,00	8,25	7,75	8,00	9,00	8,25	7,96	Khá	
19	Phạm Việt Lập	7,75	7,50	7,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,25	7,00	8,50	7,17	7,26	Khá	
20	Hoàng Thị Luyên	6,50	7,25	7,50	7,50	7,50	7,50	7,75	7,75	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	9,00	7,67	7,60	Khá	
21	Hoàng Thị Lương	7,00	6,75	7,25	7,00	7,50	7,00	7,50	7,50	7,00	7,50	7,50	8,00	8,00	9,00	7,58	7,49	Khá	
22	Nguyễn Thị Lý	6,50	6,50	7,25	7,00	7,25	7,00	7,75	7,00	8,00	7,50	7,50	7,25	7,25	8,50	6,75	7,21	Khá	
23	Lê Na	7,25	7,50	7,50	7,50	8,00	7,00	7,50	7,50	7,75	7,25	7,25	7,50	7,75	9,00	7,67	7,60	Khá	
24	Hoàng Thị Nơ	8,25	8,25	8,50	8,50	8,50	8,25	8,00	8,50	8,00	8,25	8,50	8,50	8,50	9,00	8,50	8,41	Giỏi	
25	Nông Thị Quỳnh Nga	7,50	7,00	7,00	7,50	7,50	7,25	7,50	7,25	7,00	7,25	7,50	7,25	7,25	9,00	7,33	7,40	Khá	
26	Hoàng Thanh Nga	7,50	8,00	8,00	8,00	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	9,00	8,00	8,07	Giỏi	
27	Nguyễn Mai Nhung	6,50	7,50	7,00	7,50	7,75	7,50	7,75	7,50	7,50	7,50	7,75	7,75	8,00	9,00	7,50	7,59	Khá	
28	Lục Thị Nhung	7,75	7,75	7,00	7,25	7,25	7,50	8,00	8,00	7,50	7,00	8,00	8,00	7,75	9,00	7,92	7,74	Khá	
29	Lý Phi	7,25	7,50	7,00	7,25	7,75	7,25	7,00	7,00	7,25	7,00	7,50	7,75	7,25	9,00	7,25	7,38	Khá	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
30	Đàm Thị Lệ Quyên	7,00	7,00	7,00	7,00	7,75	7,50	7,00	8,00	7,75	7,00	7,50	7,00	7,50	9,00	7,58	7,46	Khá	
31	Nguyễn Văn Sinh	7,25	7,25	7,00	7,00	7,25	7,50	7,50	7,50	7,00	7,25	7,00	7,00	7,75	9,00	7,33	7,37	Khá	
32	Lưu Nhật Tam	7,00	7,25	8,00	7,00	7,25	7,00	7,00	7,25	7,75	7,00	7,00	7,50	7,00	9,00	7,17	7,32	Khá	
33	Tô Thị Tâm	7,00	7,25	7,50	7,50	7,25	8,00	7,50	7,75	7,25	7,00	7,50	7,25	7,25	9,00	7,25	7,46	Khá	
34	Nông Đức Tiền	6,75	6,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	7,25	7,00	7,25	7,50	9,00	6,75	7,09	Khá	
35	Lê Anh Tuấn	7,50	6,50	7,50	7,75	7,50	7,25	7,75	7,75	7,50	7,75	8,00	7,50	7,75	9,00	7,33	7,59	Khá	
36	Vũ Anh Tuấn	7,50	7,75	8,00	7,75	7,50	8,00	7,75	7,50	7,50	7,25	7,50	7,75	7,25	9,00	7,50	7,68	Khá	
37	Nguyễn Duy Tuấn	7,00	7,25	7,50	7,25	7,00	7,50	7,00	7,50	7,75	7,00	7,75	8,00	7,50	9,00	7,58	7,51	Khá	
38	Trương Văn Tùng	6,75	6,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50	7,00	7,25	7,25	7,75	8,50	6,92	7,15	Khá	
39	Nguyễn Hồng Thái	6,75	6,50	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50	7,75	9,00	7,17	7,21	Khá	
40	Nguyễn Thị Thảo	7,25	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	8,25	8,00	7,75	7,25	7,75	8,00	7,75	9,00	7,58	7,84	Khá	
41	Lý Trung Thoại	7,00	7,50	7,50	7,75	7,75	7,75	8,00	7,75	8,00	7,00	8,00	8,00	7,75	9,00	7,58	7,74	Khá	
42	Nông Thị Thu	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,04	Giỏi	
43	Lục Thanh Thủy	7,00	7,75	7,50	7,50	7,00	7,50	7,50	7,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,75	9,00	7,25	7,38	Khá	
44	Nông Văn Thủy	7,00	7,75	7,50	7,00	7,75	8,00	7,00	7,00	7,75	7,25	7,00	7,00	7,00	9,00	7,25	7,40	Khá	
45	Hoàng Thị Thương	7,00	7,25	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	7,50	7,00	7,50	7,00	7,75	9,00	7,75	7,65	Khá	
46	Lý Đức Thành	6,75	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	7,75	7,00	7,25	7,25	7,75	7,00	7,50	8,50	7,58	7,35	Khá	
47	Lương Thị Hồng Vân	7,50	7,50	8,00	7,50	8,25	7,75	8,25	7,50	8,00	7,25	8,00	8,25	7,75	9,00	7,83	7,88	Khá	
48	Nông Thế Việt	7,25	7,75	7,25	7,00	7,75	7,50	6,75	7,25	7,50	7,00	7,50	7,00	7,00	8,50	7,33	7,35	Khá	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
49	Lục Thị Việt	7,00	7,25	7,50	7,00	8,00	7,50	7,00	7,75	7,50	7,00	8,00	7,50	7,25	8,50	7,17	7,43	Khá	
50	Lãnh Xuân Vũ	7,25	7,50	7,50	7,25	7,75	7,50	7,50	7,50	7,50	6,50	7,50	7,00	7,25	9,00	7,25	7,43	Khá	

Danh sách ấn định: 50 học viên, được xếp loại 50 học viên.

Tổng hợp xếp loại:

Giỏi: Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 đến dưới 9,00: 06 học viên, bằng 12%.

Khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 đến dưới 8,00: 44 học viên, bằng 88%.

GHI ĐIỂM



Triệu Văn Lượng

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆU TRƯỞNG




Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM